

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 344 /GPMT-UBND

Phú Quốc, ngày 09 tháng 9 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở Xưởng sản xuất
nước mắm Huỳnh Khoa ngày 05 tháng 9 năm 2022 và hồ sơ kèm theo;*

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Kinh Doanh Nước Mắm Huỳnh Khoa, địa chỉ tại tổ 5, ấp Suối Đá, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Xưởng sản xuất nước mắm Huỳnh Khoa, tại tổ 5, ấp Suối Đá, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Xưởng sản xuất nước mắm Huỳnh Khoa.

1.2. Địa điểm hoạt động: tổ 5, ấp Suối Đá, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1702091401 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 09 tháng 6 năm 2017.

1.4. Mã số thuế: 1702091401

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến thủy, hải sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có diện tích 4.000m², sử dụng 112 thùng loại 12 tấn/thùng, 02 thùng loại 15 tấn/thùng và 10 thùng loại 8 tấn/thùng (trong đó có 79 thùng ủ chượp, 35 thùng nước long, 10 thùng chứa nước bồi) để sản xuất nước mắm.

- Công suất 600 tấn thành phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Kinh Doanh Nước Mắm Huỳnh Khoa có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày.09tháng.1 năm 2022 đến ngày.09tháng.1 năm 2032).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH KDNM Huỳnh Khoa;
- Cổng thông tin điện tử thành phố Phú Quốc;
- Phòng TNMT (lưu hồ sơ);
- UBND xã Dương Tơ;
- Lưu: VT.

**K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đoàn Văn Tiến

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số *344/GPMT-UBND* ngày *29* tháng *9*
năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt của người làm việc tại Xưởng sản xuất nước mắm Huỳnh Khoa.
- Nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất nước mắm tại Xưởng sản xuất nước mắm Huỳnh Khoa.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước tại ấp Suối Đá, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc đổ về sông Dương Đông.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Ấp Suối Đá, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104°30', múi chiều 3°): X = 1129361.911; Y = 444630.443.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 5 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Hệ thống dẫn nước thải sau xử lý: Toàn bộ nước thải sau xử lý chảy theo đường ống nhựa PVC Ø140 vào mương thoát nước chung của khu vực.
- Phương thức xả thải: Theo phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải (QCVN 11-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản, cột B, $K_q=0,9$ và $K_f=1,2$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6-9	
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	54	

3	COD	mg/l	162	
4	TSS	mg/l	108	
5	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/l	21,6	
6	Tổng nitơ (tính theo N)	mg/l	64,8	
7	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	21,6	
8	Tổng dầu, mỡ động thực vật	mg/l	21,6	
9	Clo dư	mg/l	2,16	
10	Tổng Coliforms	MPN hoặc CFU/100ml	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải xây dựng tách riêng với hệ thống thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó theo đường ống PVC Ø42 chảy về hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý.

- Nước thải sản xuất được thu gom bằng hệ thống ống nhựa PVC Ø140 chảy ra các hố ga (1m x 1m x 1m) rồi theo ống dẫn chảy ra hố ga (1m x 3m x 1,7m) chảy về hệ thống xử lý nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt của cơ sở → Bể lọc → Bể kỵ khí → Bể Anoxic → Bể pha trộn → Bể MBBR → Bể lắng → Bể khử trùng → Bể lọc thô → mương thoát nước.

- Công suất thiết kế: Tổng công suất 5m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clorine.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ đúng theo hướng dẫn về lưu trữ và bảo quản đối với các hóa chất sử dụng cho xử lý nước thải để phòng ngừa sự cố rò rỉ hóa chất trong quá trình vận chuyển và lưu trữ.

- Lắp đặt, vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo các nguyên tắc, quy trình kỹ thuật và phải có sự giám sát trong thi công xây dựng và vận hành; công nhân được huấn luyện kỹ thuật đầy đủ; thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống dẫn nước; định kỳ bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, thường xuyên kiểm tra các máy móc, thiết bị đang hoạt động; thay thế, sửa chữa kịp thời máy móc

hư hỏng; có thiết bị, máy móc dự phòng để phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải ngừng hoạt động do hư hỏng các thiết bị.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, nước thải được bơm về bể sự cố có thể tích 2,25 m³ đặt âm tại khu vực phía dưới bể lọc của hệ thống xử lý nước thải trong thời gian khắc phục sự cố và sau khi hệ thống khắc phục xong thì bơm về bể lọc để xử lý.

- Lập sổ nhật ký theo dõi tình trạng hoạt động của hệ thống.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Khoảng tháng 9 năm 2022 (thời gian vận hành thử nghiệm không quá 06 tháng).

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104°30', múi chiều 3°): X = 1129361.911; Y = 444630.443.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	6-9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	54
3	COD	mg/l	162
4	TSS	mg/l	108
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	21,6
6	Tổng nitơ (tính theo N)	mg/l	64,8
7	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	21,6
8	Tổng dầu, mỡ động thực vật	mg/l	21,6
9	Clo dư	mg/l	2,16
10	Tổng Coliforms	MPN hoặc CFU/100ml	5.000

2.3. Tần suất lấy mẫu:

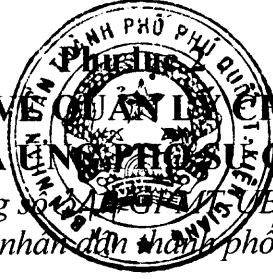
- Giai đoạn ổn định: Mẫu đơn, tần suất 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Lắp đặt thiết bị giám sát lưu lượng nước thải và lập sổ theo dõi lượng nước xả thải hàng ngày.
- Sử dụng tối đa giá trị của nước thải. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.
- Công trình, thiết bị phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải phải đảm bảo kiên cố, chống thấm, chống rò rỉ nước thải ra môi trường theo tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế, không sử dụng chung công trình, thiết bị phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với công trình thu gom, lưu giữ và thoát nước mưa, công trình lưu giữ nước phòng cháy, chữa cháy.



YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ LƯU CHỨA CHẤT THẢI CÓ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 02/2022/TT-BTNMT do UBND ngày 09 tháng 9 năm 2022
của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. **Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Bóng đèn huỳnh quang, pin, ắc quy thải, giẻ lau nhiễm dầu, thủy tinh thải... với tổng khối lượng 14,5 kg/năm.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Xác cá thải ra sau quá trình sản xuất: 20.000 kg/tháng.
- Chai, thùng, bao bì, nhãn dán bị lỗi,...: 20 kg/tháng.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 1,8 tấn/năm.

2. **Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu chứa chất thải nguy hại:

2.1.1. *Thiết bị lưu chứa:*

02 thùng chứa chất thải nguy hại loại 240 lít có dán nhãn cảnh báo, đảm bảo theo yêu cầu quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2.1.2. *Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:*

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà: 4 m²
- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Kho chứa CTNH có nền chống thấm, tường bảo vệ và mái che đáp ứng yêu cầu quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. *Thiết bị lưu chứa:*

01 thùng nhựa thể tích 240 lít có nắp đậy đặt trong khu vực nhà xưởng. Riêng xác cá được bán theo từng thùng ngay sau khi hoàn thành quy trình sản xuất.

2.2.2. *Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/ngoài trời:* Không có.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. *Thiết bị lưu chứa:*

02 thùng chứa rác bằng nhựa (loại 240 lít), có nắp đậy, dán nhãn phân loại

rác.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt bố trí tại cổng bảo vệ.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Chủ cơ sở thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; bảo đảm nguồn lực, trang thiết bị, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Việc phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phải tuân thủ quy trình, quy định kỹ thuật về an toàn, môi trường.
- Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố môi trường.

UBND THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 853/TTTr-PTNMT

Phú Quốc, ngày 08 tháng 9 năm 2022

TỜ TRÌNH

**Về việc cấp giấy phép môi trường của cơ sở
Xưởng sản xuất nước mắm Huỳnh Khoa**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ kết quả kiểm tra của tổ kiểm tra; Công văn số 695/UBND-TNMT ngày 08 tháng 8 năm 2022 về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Kinh Doanh Nước Mắm Huỳnh Khoa tại Văn bản số 01/HK 2022/ĐN ngày 05 tháng 9 năm 2022 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở Xưởng sản xuất nước mắm Huỳnh Khoa.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Xưởng sản xuất nước mắm Huỳnh Khoa đã được hoàn thiện theo yêu cầu của tổ kiểm tra, đủ điều kiện để được cấp giấy phép môi trường. Phòng Tài nguyên và Môi trường trình UBND thành phố xem xét, cấp giấy phép môi trường của cơ sở Xưởng sản xuất nước mắm Huỳnh Khoa.

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



Huỳnh Văn Định